

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ- ST
Ngày 27-11-2020
V/v ly hôn và nuôi con chung
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Xuân Vũ

- Bà Bùi Bích Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-11-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17-11-2020 giữa;

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Sơn T, xã M, huyện L, tỉnh Y- Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Sơn T, xã M, huyện L, tỉnh Y- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 16 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Trường G kết hôn với nhau ngày 29-9-2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị H và anh G chung sống không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh G thường xuyên ăn chơi, cờ bạc và có quan hệ ngoại tình. Anh G không có trách nhiệm với gia đình. Nay chị H xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị H và anh G có một con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10-3-2016. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng A, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh G không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh G vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị H được ly hôn anh G; giao cháu Nguyễn Hoàng A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Trường G kết hôn với nhau ngày 29-9-2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh G chung sống không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh G thường xuyên ăn chơi, cờ bạc và có quan hệ ngoại tình. Anh G không có trách nhiệm với gia đình.

Nay chị H xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G. Về phía anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh G biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh G không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 02-11-2020 tại Thôn Sơn T, xã M, huyện L, tỉnh Y nơi chị H và anh G cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh G thường xuyên ăn chơi, cờ bạc và có quan hệ ngoại tình, anh G không có trách nhiệm với gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị H và anh G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị H được ly hôn anh G.

{4} *Về con chung*: Chị H và anh G có một con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10-3-2016. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng A, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh G cũng biết được chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A nhưng anh G không có ý kiến gì. Xét thấy: Cháu A đang ở cùng chị H, hiện nay cháu A còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, nên yêu cầu nuôi con của chị H là có căn cứ, phù hợp pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu Nguyễn Hoàng A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

{6} *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trường G

2- *Về con chung xử*: Giao cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10-3-2016 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- *Về án phí*: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0008296 ngày 12-10-2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- *Quyền kháng cáo*: Chị Hoàng Thị H, anh Nguyễn Trường G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS L;
- CCTHA L;
- UBND xã M;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh